| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỌ XUÂN**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày: 20 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hữu Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Công ty cổ phần S Có Ngay.

Trụ sở chính: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: KANOKWATPAISAL NAPAT, Chức vụ: Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Lê Quốc V, sinh năm: 1990

Chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S Có Ngay

Địa chỉ: Số C T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Bà Trần Thị H, sinh năm: 1983, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

***- Người làm chứng:*** Ông Trần Quang Q, sinh năm: 1977, địa chỉ: Thôn 17,

xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Quốc V trình bày:*

Ngày 07/01/2023 bà TRẦN THỊ H (sau đây gọi tắt là "khách hàng") có cầm cố tài sản với Chi nhánh THANH HÓA - NGỌC LẶC 1 - Công ty Cổ Phần S Có Ngay (sau đây gọi tắt là " Công ty") theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 07/01/2023. Tài sản cầm cố như sau: 01 (một ) xe ô tô nhãn hiệu: KIA; Loại: K3; Biển số xe: 36A-831.67; Số khung: RNYYD41M6EC051622; Số máy: G4FGEH735590; Giấy chứng nhận đăng ký số: 000244 do Công an Huyện T cấp ngày 26/07/2022 mang tên Trần Thị H.

Hợp đồng cầm cố như sau: Số tiền cầm cố: 215.600.000 đồng; Thời hạn cầm cố: 12 tháng; Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 07/01/2023; Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận như sau:

- Lãi suất cầm cố: bằng 1,1% số tiền cầm cố/tháng;

- Phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 0,5% số tiền cầm cố/tháng;

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn;- Phí mượn xe: 3% số tiền cầm cố/tháng;

- Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm;- Phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán;

- Chi phí tố tụng: 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán.

Hợp đồng giấy mượn xe như sau: Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 07/01/2023, bà TRẦN THỊ H đã có đơn gửi Chi nhánh THANH HÓA - NGỌC LẶC 1 - Công ty Cổ Phần S Có Ngay xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo theo nội dung giấy mượn xe, tài sản mượn lại là 01 (một) xe ô tô như sau: Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ ngày 07/01/2023 đến ngày 07/02/2023; Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Bà TRẦN THỊ H có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận" theo yêu cầu từ Công ty. Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dụng của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý cho Chi nhánh T1 - NGỌC LẶC 1 - Công ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Điều 314 Bộ luật dân sự 2015, nên việc cầm cố tài sản và cho mượn lại tài sản Công ty làm đúng theo quy định pháp luật.

Biện pháp bảo đảm: Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố tài sản số

NLC230102004NA14X ký ngày 07/01/2023, khách hàng đã thế chấp tài sản đảm bảo là: 01 (một ) xe ô tô nhãn hiệu: KIA; Loại: K3; Biển số xe: 36A-831.67; Số khung: RNYYD41M6EC051622; Số máy: G4FGEH735590; Giấy chứng nhận đăng ký số: 000244 do Công an Huyện T cấp ngày 26/07/2022 mang tên Trần Thị H. Tài sản nêu trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ số đăng ký giao dịch số: tại trang web: https://dktructuyen.moj.gov.vn.

*Qúa trình thực hiện hợp đồng:*

Hợp đồng cầm cố: Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty cổ phần S Có Ngay đã giải ngân cho khách hàng số tiền là: 215.600.000 đồng theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số: NLC230102004NA14X ký ngày 07/01/2023. Bà Trần Thị H mới chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là: 35.500.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 00 đồng; Lãi: 15.217.774 đồng; P phạt trễ hạn: 878.226 đồng; P mượn xe: 19.404.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà Trần Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà H có thời gian thu xếp trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện. Tạm tính đến ngày 20/5/2025 bà Trần Thị H còn nợ Công ty Cổ phần S Có Ngay, gồm: Tiền gốc: 215.600.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 14.809.426 đồng; T lãi quá hạn: 80.990.140 đồng và các khoản phí gồm: Phí quản lý hồ sơ cố định: 11.368.000 đồng; P mượn xe: 58.212.000 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 17.248.000 đồng và chi phí tố tụng 24.177.743 đồng.

Hợp đồng mượn xe: Bà Trần Thị H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết và đã hết thời gian mượn xe không bàn giao lại tài sản cho Công ty. Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng, từ ngày 07/01/2023 đến ngày 07/02/2023. Công ty yêu cầu bà Trần Thị H bàn giao lại tài sản sản nhưng bà H trốn tránh không thực hiện theo cam kết.

*Yêu cầu khởi kiện:* Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Toà án giải quyết, buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2025 là: 311.399.566 đồng, trong đó: Tiền gốc: 215.600.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 14.809.426 đồng; Tiền lãi quá hạn 80.990.140 đồng. Ngoài ra bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 21/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Công ty sẽ có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 000244 do Công an Huyện T cấp ngày 26/07/2022 mang tên Trần Thị H cho bà Trần Thị H ngay sau khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Đối với yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu: KIA; Loại: K3; Biển số xe: 36A-831.67 để thu hồi khoản nợ và buộc bà Trần Thị H phải trả các khoản phí gồm: Phí quản lý hồ sơ cố định: 11.368.000 đồng; P mượn xe: 58.212.000 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 17.248.000 đồng và chi phí tố tụng 24.177.743 đồng, thì Công ty Cổ phần S Có Ngay đã có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty có ý kiến đề nghị Tòa

án đình chỉ đối với các yêu cầu trên.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị H theo quy định, nhưng bà H vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của minh, nên không có lời khai.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:*

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ về trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án.

Bị đơn: Không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, thể hiện việc tuân thủ pháp luật không nghiêm túc.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 309, 310, 311, 314, 315, 316, 375 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, X:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay về phần yêu cầu: Xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: KIA; Loại: K3; Biển số xe: 36A-831.67 và các khoản phí gồm: Phí quản lý hồ sơ cố định; P mượn xe; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán và chi phí tố tụng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S Có Ngay,

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay tổng số tiền tính đến ngày 20/5/2025 là 311.399.566 đồng, trong đó: Tiền gốc: 215.600.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 14.809.426 đồng; Tiền lãi quá hạn 80.990.140

đồng. Kể từ ngày 21/5/2025 bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngay sau khi bà Trần Thị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổphần SAWAD Tiền Có Ngay có nghĩa vụ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 000244 do Công an Huyện T cấp ngày 26/07/2022 mang tên Trần Thị H cho bà Trần Thị H và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định.

**3.** Về án phí: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định (15.569.900 đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản. Bị đơn là bà Trần Thị H, cư trú tại thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị H theo quy định, nhưng bà H không đến Toà án làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, nên có cơ sở khẳng định bà Trần Thị H đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[2] Đối với yêu cầu về Hợp đồng cầm cố tài sản:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay cung cấp cho Tòa án, cụ thể là Hợp đồng cầm cố ngày 07/01/2023 có thể hiện:

Ngày 07/01/2023 bà Trần Thị H đã cầm cố tài sản là 01 (một ) xe ô tô nhãn hiệu: KIA; Loại: K3; Biển số xe: 36A-831.67; Số khung: RNYYD41M6EC051622; Số máy: G4FGEH735590; Theo Giấy chứng nhận đăng ký số: 000244 do Công an Huyện T cấp ngày 26/07/2022 mang tên Trần Thị H cho Công ty Cổ phần S Có Ngay và nhận số tiền cầm cố tài sản là 215.600.000 đồng; Thời hạn cầm cố: 12 tháng (kể từ 07/01/2023 đến 07/01/2024); Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 07/01/2023; Hai bên thỏa thuận lãi suất cố định 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn. Thời hạn thanh toán: Thanh toán định kỳ hàng tháng tiền lãi trong hạn với số tiền 3.449.600 đồng vào ngày 07 hàng tháng; Thanh toán gốc vào kỳ hạn cuối cùng của hợp đồng với số

tiền 215.600.000 đồng. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay và bà Trần Thị H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Đây là cơ sở để giải quyết về quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện Hợp đồng cầm cố, tính đến ngày 24/6/2023 bà Trần Thị H mới chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay được số tiền 35.500.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 00 đồng; Lãi: 15.217.774 đồng; P phạt trễ hạn: 878.226 đồng; P mượn xe: 19.404.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

[2.3] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 20/5/2025), bà Trần Thị H còn nợ Công ty Cổ phần S Có Ngay với tổng số tiền: 311.399.566 đồng, trong đó: Tiền gốc: 215.600.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 14.809.426 đồng; Tiền lãi quá hạn 80.990.140 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc xác định số tiền bà H còn nợ gốc và tính tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của Công ty Cổ phần S Có Ngay là có căn cứ và phù hợp với các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[2.4] Vì vậy, việc Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Trần Thị H phải thanh toán tiền gốc 215.600.000đồng; T lãi trong hạn 14.809.426 đồng; T lãi quá hạn 80.990.140 đồng, tổng cộng: 311.399.566 đồng, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: KIA; Loại: K3; Biển số xe: 36A-831.67 và các khoản phí gồm: Phí quản lý hồ sơ cố định: 11.368.000 đồng; P mượn xe: 58.212.000 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 17.248.000 đồng và chi phí tố tụng 24.177.743 đồng, thì Công ty Cổ phần S Có Ngay đã có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó cần đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay về các yêu cầu trên.

[4] Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000244 do Công an Huyện T cấp ngày 26/07/2022 mang tên Trần Thị H, hiện tại Công ty Cổ phần S Có Ngay đang giữ, khi nào bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty Cổ phần S Có Ngay phải có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Trần Thị H theo quy định.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 309, 310, 311, 314, 315, 316, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay về phần yêu cầu: Xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: KIA; Loại: K3; Biển số xe: 36A-831.67 và các khoản phí gồm: Phí quản lý hồ sơ cố định: 11.368.000 đồng; P mượn xe: 58.212.000 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 17.248.000 đồng và chi phí tố tụng 24.177.743 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S Có Ngay,

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay tổng số tiền tính đến ngày 20/5/2025 là 311.399.566 đồng, trong đó: Tiền gốc 215.600.000 đồng; T lãi trong hạn 14.809.426 đồng; Tiền lãi quá hạn 80.990.140 đồng.

*Kể từ ngày 21/5/2025 bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.*

Ngay sau khi bà Trần Thị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổphần SAWAD Tiền Có Ngay có nghĩa vụ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 000244 do Công an Huyện T cấp ngày 26/07/2022 mang tên Trần Thị H cho bà Trần Thị H và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định.

3. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị H phải nộp 15.569.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.587.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005275 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**